**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ CAI LẬY**
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày:15/01/2021
"***V/v Xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn***"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hòa Hợp.**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông **Lê Văn Tám**;
- Bà **Phạm Thị Phượng**;

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: **Võ Thị Bích P**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp Z, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn***: **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: số M khu phố P, Phường S, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị Phượng có mặt, anh B vắng mặt*)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Bích P trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Cường, huyện Cai Lậy theo giấy chứng nhận kết hôn số 91/2015 ngày 22/10/2015. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra xung đột, cự cãi nhau, chị cố gắng hòa giải để hàn gắn gia đình chăm lo con chung cũng như kinh tế gia đình nhưng không thể

hàn gắn được. Nay thấy tình cảm không thể hàn gắn được chị xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị P và anh B có 03 con chung tên Nguyễn Kiều G, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Tường L, sinh ngày 25/6/2017 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/3/2020 khi ly hôn chị P yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/03 cháu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh B vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P.

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị P và anh Nguyễn Thanh B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Cường, huyện Cai Lậy. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra xung đột, cự cãi nhau, chị cố gắng hòa giải để hàn gắn gia đình chăm lo con chung cũng như kinh tế gia đình nhưng không thể hàn gắn được. Tại Tòa hôm nay chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh B vẫn vắng mặt. Xét thấy tình cảm của chị P, anh B không còn nên yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh B là có cơ sở.

Về con chung: Chị P và anh B có 03 con chung tên Nguyễn Kiều G, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Tường L, sinh ngày 25/6/2017 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/3/2020 khi ly hôn chị P yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/03 cháu.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84,110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về tố tụng***: Chị Võ Thị Bích P và anh Nguyễn Thanh B tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91/2015 ngày 22/10/2015 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được

xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thanh B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh B.

***[2] Về nội dung:*** Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh B lý do chị cho rằng vợ chồng không hợp nhau, anh B không quan tâm chăm sóc vợ con, chị thấy không còn hạnh phúc với anh B, chị đã ly thân với anh B từ tháng 8 năm 2020 đến nay.

Tại phiên tòa anh B vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của chị P. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị P không thể hàn gắn được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phượng là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

***[3] Về con chung***: Chị P và anh B có 03 con chung tên Nguyễn Kiều G, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Tường L, sinh ngày 25/6/2017 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/3/2020 khi ly hôn chị P yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu và yêu cầu ông Bì cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/03 cháu. Xét yêu cầu của chị P có cơ sở cần chấp nhận.

***[4] Về tài sản chung và nợ chung***: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

***[5]*** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

***[6] Về án phí***: Chị Phượng phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**<u>Xử</u>:** ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Bích P.***

- ***Về tình cảm***: Cho chị Võ Thị Bích P được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

- ***Về con chung:*** Giao cho chị Võ Thị Bích P tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Kiều G, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Tường L, sinh ngày 25/6/2017 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/3/2020. Anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 3.000.000 đồng/tháng/03 cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- ***Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:***

Chị Võ Thị Bích P phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0000990 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy. Như vậy, chị Phượng đã nộp xong.

Anh Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh B được quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Cường;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Hòa Hợp**